TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ
Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2024.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - H P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt D
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt T và ông Trần Văn T.
- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Khánh L- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2024/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

NgUđơn: Chị Phùng Thị Uyên, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Khu C, xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Khu C, xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
(Chị Ucó đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ngUđơn chị Phùng Thị Utrình bày: Chị và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2013 tại UBND xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về sống và làm việc tại khu C, xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, H P đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. NgUnhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống dẫn đến thường xảy ra tranh cãi bất hoà. Mâu thuẫn có được hai bên gia đình hoà giải nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nên chị và anh H hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Uxét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ

chồng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H

Về con chung: Chị U và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 04/11/2014; Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/10/2016. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh H, cháu P ở cùng chị U. Khi ly hôn, chị Uđề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh H có nguyện vọng muốn nuôi con chung, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Ukhông yêu cầu giải quyết.

2. Phía bị đơn anh Nguyễn Mạnh H: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo anh H đến làm việc nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không lí do, do vậy không thu thập được quan điểm của anh H.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2024 bà Trần Thị Giống (mẹ đẻ anh H) trình bày: Anh H là con trai bà, chị Ulà con dâu. Chị Uvà anh H được kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau khi kết hôn anh chị ở chung cùng bà tại khu C, xã C, huyện Cẩm Khê. Quá trình chung sống của chị Uvà anh H bà thấy từ khi chị Uđi làm thuê ở Hà Nội thì có những biểu hiện sống lạnh nhạt, xa lánh anh H, vợ chồng không quan tâm tới nhau, sau đó từ tháng 8 năm 2023 đến nay thì chị Uvà anh H đã sống ly thân. Bà được biết khi chị Uviết đơn xin ly hôn anh H đã ký vào đơn, còn quan điểm của anh H như thế nào bà không rõ. Hiện nay anh H đang làm thuê tại khu công nghiệp Cẩm Khê, hàng ngày đi làm vẫn về nhà. Các văn bản tố tụng Toà án tống đạt bà nhận thay và sẽ thông báo lại nội dung của văn bản cho anh H.

Về con chung: Chị Uvà anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 04/11/2014; Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/10/2016. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh H và bà, cháu P ở cùng chị Uyên. Khi chị Uvà anh H ly hôn, bà Giống đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, để chị Utrực tiếp nuôi dưỡng cháu P.

4. Nguyện vọng của con chung: Tại bản tự khai ngày 01/7/2024 cháu Nguyễn Thị Hồng H có nguyện vọng ở với anh Nguyễn Mạnh H, cháu Nguyễn Tuấn P có nguyện vọng ở với chị Phùng Thị Uyên.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của ngUđơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Uđược ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 04/11/2014; cho anh Nguyễn Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/10/2016 cho chị Phùng Thị Utrực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Ukhông yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phùng Thị Uphải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H có hộ khẩu thường trú tại khu C, xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của ngUđơn, bị đơn: Chị Ucó đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: : Chị Phùng Thị Uvà anh Nguyễn Mạnh H kết hôn ngày 07/9/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân giữa chị Uvà anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của chị Uyên, bà Giống mẹ anh H và xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Uvà anh H tại UBND xã C thì xác định được hôn nhân của chị Uvà anh H đã xảy ra mâu thuẫn, ngUnhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị Uvà anh H đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh H đến Toà án làm việc, trình bày quan điểm ý kiến cũng như hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, thể hiện anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy cần xử cho chị Uđược ly hôn anh H là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Uvà anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 04/11/2014; Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/10/2016. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh H, cháu P ở cùng chị Uyên. Khi ly hôn chị Uđề nghị trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh H có nguyện vọng nuôi con chung, chị Uđề nghị giải quyết theo pháp luật. Anh H không đến Toà án làm việc nên không có quan điểm trình bày về con chung.

Xét thấy theo nguyện vọng của cháu H xin được ở với anh H, cháu P xin được ở với chị Uyên. Để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu P cho chị Utrực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Ukhông yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Uphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Uđược ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 04/11/2014. Giao cho chị Phùng Thị Utrực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/10/2016 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Phùng Thị U và anh Nguyễn Mạnh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Phùng Thị Ukhông yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phùng Thị U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm

ứng án phí chị U đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004879 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Xác nhận chị Uđã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự P thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Dũng